TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HS-ST
Ngày 26 - 11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Quế

Bà Lò Thị Dỉnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2019/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo.

1. Họ và tên: **Chu Văn N** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1988; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Chu Văn C - đã chết và bà Nguyễn Thị S - Đã chết; Vợ bà Lò Thị V - sinh năm 1991, bị cáo có hai người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Cà Văn S** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1980; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT: Không đăng ký hộ khẩu thường trú; Chỗ ở trước ngày bị bắt: Không có nơi cư trú rõ ràng, sống lang thang; Nơi cư trú cuối cùng: Bản T, xã Nu, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Thái; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Cà Văn P - đã chết và bà Cà Thị U - Sinh năm: 1943; Bị cáo sống

như vợ chồng với chị Lò Thị D và có một con chung sinh năm 2017.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Đặc điểm nhân thân: Ngày 29/8/2012, bị cáo bị UBND tỉnh Điện Biên ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục trong thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (theo Quyết định số 746/QĐ-UBND).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

** Bị hại:* Công ty trách nhiệm hữu hạn D - Địa chỉ: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Dũng - Giám đốc công ty. Nơi cư trú: Số nhà 36, Phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lò Văn B - Sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Bản Khá, phường N Thanh, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2019). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị Hương L - sinh năm 1983; Nơi cư trú: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Lò Thị V - Sinh năm 1991; Nơi cư trú: Xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/8/2019, Chu Văn N rủ Cà Văn S đi trộm cắp tài sản, S đồng ý. Khoảng 01 giờ, ngày 16/8/2019, N điều khiển xe máy BKS 27B1 - 526.21 chở S đến nhà kho của công ty TNHH D ở xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, giáp Quốc lộ 279, khi đến nơi N dựng xe ở lề đường bằng chân chống giữa và bảo S ở ngoài cảnh giới. N đi vào thấy cửa kho mở hé, không có người trông coi. Dưới ánh điện cao áp N thấy nhiều sắt nên ra gọi S, cả hai vào trong kho và cùng lấy các tài sản gồm: 07 khung song sắt chắn ô thoáng, kích thước 155cm x 55cm; 04 khung song sắt chắn ô thoáng nhỏ hơn có kích thước khác nhau đều được làm bằng các thanh sắt vuông đặc (hình khối hộp); nhiều thanh sắt có chiều dài, ngắn khác nhau được các bị cáo bẻ cong và bó lại thành hai bó. Sau khi lấy được sắt các bị cáo dùng xe máy chở toàn bộ số sắt trộm được đến quán thu mua phế liệu của chị Phạm Thị Hương L, tại tổ 05, phường Thanh Trường, nói rối là sắt thanh lý, bán cho chị Lan được 1.285.000 đồng. Số tiền bán sắt mà có, các bị cáo đã cùng sử dụng 600.000 đồng để mua ma túy và mua đồ ăn, số tiền còn lại bị cáo N chi tiêu cá nhân hết. Ngày 22/8/2019, cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ toàn bộ tài sản do N và S trộm cắp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 60/QĐ ngày 23/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng giá trị tài sản Chu Văn N và Cà Văn S chiếm đoạt của Công ty TNHH D là 4.524.000 đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi tư nghìn). Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Tại Bản cáo trạng số: 86/CT- VKSTPĐBP ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Chu Văn N và Cà Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại giai đoạn điều tra, đại diện bị hại trình bày: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị V trình bày: Chiếc xe máy BKS 27B1 - 526.21 là xe của chị, do chị đứng tên, nguồn gốc chiếc xe là do bố đẻ chị mua cho riêng chị để làm phương tiện đi lại, chồng chị là bị cáo N là người nghiện ma túy nên bố chị không cho. Chị Vân đã nhận lại chiếc xe, xe không bị hư hỏng gì, nên không yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Hương L trình bày: Ngày 16/8/2019 chị có mua sắt của bị cáo N, S. Chị không biết số sắt đó do N, S phạm tội mà có nên mới mua. Chị không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.285.000đ mà chị đã mua sắt của các bị cáo, chị tự nguyện cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn N và bị cáo Cà Văn S từ 09 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản có giá trị nên không có khả năng thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lan không yêu cầu các bị cáo phải trả số tiền chị đã mua sắt là 1. 285.000đ, chị tự nguyện cho các bị cáo số tiền này, nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Đ.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát, không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xem

xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa đại diện bị hại Lò Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra anh Biên, chị Lan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo N, S và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với nhau, phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo, kết luận định giá, phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 01 giờ, ngày 16/8/2019, tại nhà kho của công ty TNHH D ở xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, bị cáo Chu Văn N, Cà Văn S đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là sắt của Công ty TNHH D với tổng trị giá 4.524.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã truy tố, kết luận các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn N Cà Văn S từ 09 đến 12 tháng tù là có căn cứ đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[3]. Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của BLHS. Trong vụ án bị cáo Chu Văn N vừa là người khởi xướng vừa là người thực hành, bị cáo Cà Văn S là người thực hành. Các bị cáo là người nghiện ma túy, do lười lao động nhưng muốn có tiền để chi tiêu và mua ma túy sử dụng mà các bị cáo đã cố ý phạm tội, hành vi trộm cắp của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của tổ chức, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo, phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên bị cáo Cà Văn S, ngày 29/8/2012 bị UBND tỉnh Điện Biên ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục trong thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp

tài sản nhiều lần nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (theo Quyết định số 746/QĐ-UBND). Bị cáo đã chấp hành xong quyết định, tính đến ngày 16/8/2019, bị cáo được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy đinh tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập không có tài sản có giá trị nên các bị cáo không có khả năng thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[8]Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-Wave RSX, màu S đen, xanh, BKS 27B1 - 526.21, xe mang tên Lò Thị V. Chiếc xe là tài sản riêng của chị Vân, nguồn gốc chiếc xe do bố đẻ chị là ông Lò Văn Ngọc mua cho riêng chị từ năm 2017, do ông Ngọc biết chồng chị là bị cáo Chu Văn N là người nghiện ma túy nên ông chỉ cho riêng chị Vân. Chị Vân không biết bị cáo N sử dụng chiếc xe máy để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Chị Vân đã nhận lại chiếc xe, xe không bị hư hỏng gì, nên không yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Đối với toàn bộ số sắt mà các bị cáo đã trộm cắp của Công ty TNHH D mà cơ quan công an đã tạm giữ theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 22/8/2019 (BL 66,67) là tài sản của Công ty TNHH D.

Các tài sản trên, Cơ quan cảnh sát điều tra căn cứ Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả cho chủ sở hữu là chị Lò Thị V và đại diện Công ty TNHH D là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ.

(Theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/9/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên ông Lò Văn B – đại diện của Công ty TNHH D *và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20/9/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với bà Lò Thị V).*

[9]Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại, đã nhận

lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lan tự nguyện cho các bị cáo số tiền 1.285.000đ và không yêu cầu gì đối với các bị cáo. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[10] Tại đơn trình báo và trong quá trình điều tra, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH D, anh Lò Văn B khai báo Công ty mất sắt với số lượng lớn, nhưng không có căn cứ chứng minh bị cáo N, S chiếm đoạt toàn bộ số tài sản đó.

[11]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Căn cứ điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Chu Văn N và bị cáo Cà Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Chu Văn N 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 26/8/2019).

Xử phạt bị cáo Cà Văn S 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 26/8/2019).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc trả lại tài sản cho bị hại Công ty TNHH D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị V của cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Đ.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/11/2019).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bằng